

Số: **11** /KH-PGDĐT

Đông Đa, ngày **21** tháng 2 năm 2023

KẾ HOẠCH

Triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục phổ thông năm học 2022-2023

Căn cứ Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên (gọi chung là Bộ chỉ số);

Thực hiện Kế hoạch số 2407/KH-SGDĐT ngày 17/8/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội giai đoạn 2022-2025 định hướng đến năm 2030;

Thực hiện Kế hoạch số 434/KH-SGDĐT ngày 22/02/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên năm học 2022-2023;

Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Đông Đa ban hành kế hoạch triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục năm học 2022-2023 gồm các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH

- Tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên về ý nghĩa, tác dụng của chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo. Thúc đẩy chuyển đổi số ở các cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập.

- Phát hiện các điển hình, mô hình chuyển đổi số làm tốt để nhân rộng, tạo phong trào thực hiện chuyển đổi số trong toàn ngành Giáo dục và Đào tạo quận Đông Đa.

- Đảm bảo thực hiện kiểm tra, đánh giá khách quan, thực chất, công bằng kết quả chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục. Trong quá trình tự đánh giá, thực hiện thu thập, lập danh mục minh chứng theo các tiêu chí của Bộ chỉ số.

II. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

- Các trường tiểu học công lập và ngoài công lập.
- Các trường THCS công lập và ngoài công lập.

III. NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong Ngành về ý nghĩa, tầm quan trọng của chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo trong giai đoạn hiện nay.

- Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện đầy đủ nội dung của Quyết định 4725/QĐ-BGDĐT đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong các cơ sở giáo dục.

- Các cơ sở giáo dục tiến hành thu thập, tập hợp, lập danh mục minh chứng theo các tiêu chí của Bộ chỉ số.

- Triển khai các nhiệm vụ đảm bảo đúng tiến độ, nội dung của Kế hoạch theo phụ lục đính kèm.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo

1.1. Ban hành kế hoạch, tổ chức hướng dẫn, giám sát, kiểm tra, đánh giá ngoài và công nhận mức độ chuyển đổi số theo Bộ chỉ số cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn quận Đống Đa;

1.2. Báo cáo kết quả thực hiện về Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày **31/5/2023**.

1.3. Hoàn thành cập nhật kết quả đánh giá trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và Đào tạo trước ngày **20/6/2023**.

1.4. Công bố kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục trên Cổng thông tin điện tử và các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Các cơ sở giáo dục

2.1. Thực hiện tự đánh giá, chấm điểm mức độ chuyển đổi số theo các tiêu chí của Bộ chỉ số. Thực hiện và tự đánh giá chuyển đổi số ở nhà trường theo 02 nhóm tiêu chí thành phần được quy định trong Cấu trúc Bộ chỉ số được ban hành trong Quyết định 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (có file đính kèm).

- Nhóm Tiêu chí 1 “Chuyển đổi số trong dạy, học” và nhóm Tiêu chí 2 “Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục (theo Phụ lục Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông gửi kèm Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Mỗi nhóm tiêu chí được đánh giá với thang điểm tối đa là 100, mỗi nhóm tiêu chí được đánh giá ở ba mức độ:

+ **Mức độ 1:** Tổng điểm của mỗi nhóm tiêu chí dưới 50 điểm. Đánh giá: trường chưa đáp ứng các yêu cầu cơ bản về triển khai chuyển đổi số.

+ **Mức độ 2:** Tổng điểm của mỗi nhóm tiêu chí từ 50 đến 75 điểm. Đánh giá: trường đã đáp ứng các yêu cầu cơ bản về triển khai chuyển đổi số.

+ **Mức độ 3:** Tổng điểm của mỗi nhóm tiêu chí đạt trên 75 điểm. Đánh giá: trường đáp ứng tốt các yêu cầu cơ bản và một số yêu cầu nâng cao về triển khai chuyển đổi số.

2.2. Thực hiện đúng quy trình tổ chức đánh giá mức chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Hàng năm, các nhà trường xây dựng kế hoạch, triển khai tổ chức đánh giá mức độ chuyển đổi số (có thể lồng ghép vào kế hoạch chung về Ứng dụng Công nghệ thông tin của nhà trường), phân công và giao trách nhiệm thực hiện cụ thể.

- Đồng chí Hiệu trưởng các trường tiểu học, THCS phê duyệt kết quả tự đánh giá (theo mẫu gửi kèm) và cung cấp thông tin, minh chứng phục vụ việc đánh giá mức độ chuyển đổi số của nhà trường gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo tại trước ngày 31/3/2023 để kịp tiến độ Phòng GDĐT kiểm tra, đánh giá ngoài, công nhận mức độ chuyển đổi số của các trường, cập nhật kết quả đánh giá trên cơ sở dữ liệu ngành và báo cáo về Sở đúng tiến độ.

2.3. Cập nhật kết quả tự đánh giá lên hệ thống cơ sở dữ liệu Ngành tại <https://csdl.hanoi.edu.vn> trước ngày **31/5/2023**.

Phòng Giáo dục và Đào tạo yêu cầu đ/c Hiệu trưởng các trường tiểu học, THCS nghiêm túc triển khai. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các đơn vị báo cáo trao đổi với đ/c Trương Thanh Loan (cấp Tiểu học - ĐT: 0983.178718) và đ/c Dương Tuấn (cấp THCS - ĐT 0982.848952) để được hướng dẫn kịp thời. /

Nơi nhận :

- Các TH, THCS (để thực hiện);
- Lưu: VT.

TRƯỞNG PHÒNG



Trịnh Đan Ly

ỦY BAN X
 PHÒNG
 GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
 H. HÀ NỘI

PHỤ LỤC
NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ
TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÀ GIÁO DỤC
THƯỜNG XUYÊN NĂM HỌC 2022 - 2023

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-PGDĐT ngày tháng 2 năm 2023
của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Đống Đa)*

TT	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
I. PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO			
1	Xây dựng và ban hành kế hoạch đánh giá mức độ chuyển đổi số	Tháng 2/2023	Ban hành kế hoạch kiểm tra, đánh giá
2	Ban hành quyết định thành lập các đoàn kiểm tra, đánh giá ngoài của Phòng GDĐT	Tháng 4/2023	Ban hành Quyết định thành lập các đoàn kiểm tra, đánh giá, phân công nhiệm vụ các thành viên, lập kế hoạch kiểm tra các đơn vị trực thuộc
3	Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngoài các đơn vị thuộc địa bàn quản lý	Tháng 4-5/2023	Hoàn thành công tác kiểm tra, đánh giá các đơn vị trực thuộc, lập danh sách các đơn vị đề nghị công nhận mức độ chuyển đổi số
4	Công nhận mức độ chuyển đổi số của các đơn vị	Tháng 5/2023	Ban hành quyết định công nhận mức độ chuyển đổi số của các đơn vị, báo cáo Sở GDĐT
II. CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC			
1	Tự đánh giá mức độ chuyển đổi số theo Bộ chỉ số; Phê duyệt kết quả	Tháng 3,4/2023	Biên bản tự đánh giá Quyết định công nhận kết quả tự đánh giá của đơn vị
2	Đề nghị đánh giá ngoài mức độ chuyển đổi số	Tháng 3,4/2023	Tờ trình gửi cấp trên quản lý trực tiếp
3	Thực hiện đánh giá ngoài theo kế hoạch của cấp trên trực tiếp	Tháng 4,5/2023	Giấy chứng nhận kết quả mức độ chuyển đổi số
4	Cập nhật kết quả đánh giá trên cơ sở dữ liệu Ngành	Tháng 5/2023	
5	Công bố kết quả trên trang thông tin điện tử của đơn vị	Tháng 5/2023	

BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYÊN ĐỔI SỐ
Năm học 2022 - 2023

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, hình ảnh
1.	Chuyên đổi số trong dạy, học	100			
1.1.	Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm)				Điều kiện bắt buộc
1.2.	Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến				Điều kiện bắt buộc
	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến: - Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (ghi tên)		Tối đa 6 điểm		
1.3.	- Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin: Tên giải pháp, tự xây dựng/thuê/mua). - Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng: (1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học; (2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh; (3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên; (4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh.	30	Tối đa 24 điểm, mỗi chức năng triển khai tối đa 6 điểm.	Mức độ 1: dưới 10 điểm Mức độ 2: từ 10 -20 điểm Mức độ 3: trên 20 điểm	Dường link
1.4.	Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người dùng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt).	10	- Ít hơn 20 học liệu: tối đa 3 điểm. - Ít hơn 40 học liệu: tối đa 6 điểm	Mức độ 1: dưới 4 điểm Mức độ 2: từ 4 - 6 điểm Mức độ 3: trên 7 điểm	Dường link và số lượng học liệu
1.5.	Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính: có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN (cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm). Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường.	20	- Tối đa 15 điểm - Tối đa 5 điểm	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	Quy chế/Kế hoạch/ Văn bản triển khai

1.6.	Phát triển nguồn nhân lực chuyên đổi số: - Tỷ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu - Tỷ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học - Tỷ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử	20	<30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 7 điểm <30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 7 điểm <30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 6 điểm	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	
1.7.	Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyên đổi số dạy, học: - Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học - Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học ¹ - Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử)	20	<20%: tối đa 2 điểm; 20%-60%: tối đa 5 điểm; >60%: tối đa 8 điểm Mức độ 1: tối đa 2 điểm; Mức độ 2: tối đa 5 điểm; Mức độ 3: tối đa 7 điểm Tối đa 5 điểm	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	
2.	Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	100			
2.1.	Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại)				Điều kiện bắt buộc
2.2.	Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số				Điều kiện bắt buộc
2.3.	Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (cung cấp thông tin: tên giải pháp, tự xây dựng/mua/thuê): - Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường - Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)	70	Tối đa 6 điểm Tối đa 6 điểm File PDF: tối đa 3 điểm; Áp dụng chứng thư số: tối đa 10 điểm	Mức độ 1: dưới 20 điểm Mức độ 2: từ 20 - 50 điểm Mức độ 3: trên 50 điểm	Đường link/ Quy chế/ văn bản hướng dẫn



- Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV	Tối đa 6 điểm			
	- Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất			Tối đa 10 điểm
	- Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh			Tối đa 10 điểm
	- Có triển khai phân hệ quản lý kế toán			Tối đa 6 điểm
- Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý)	Tối đa 6 điểm			
	Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến:			Mức độ 1: dưới 10 điểm
	- Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web)			Mức độ 2: từ 10 - 18 điểm
- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến:	Tối đa 12 điểm		Mức độ 3: trên 18 điểm	
	- Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt			Tối đa 10 điểm
2.4.	30	Tối đa 8 điểm	Mức độ 1: dưới 10 điểm	Đường link/ Quy chế/ Văn bản
		Tối đa 6 điểm	Mức độ 2: từ 10 - 18 điểm	
		Tối đa 10 điểm	Mức độ 3: trên 18 điểm	

¹ **Mức độ 1** (chưa đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học): Với Tiêu học có nhiều hơn 3 học sinh phải học chung 1 máy tính; THCS có nhiều hơn 2 học sinh phải học chung 1 máy tính. **Mức độ 2** (đáp ứng cơ bản yêu cầu dạy môn tin học): Với Tiêu học có 2 - 3 học sinh phải học chung 1 máy tính; THCS có 2 học sinh phải học chung 1 máy tính. **Mức độ 3** (đáp ứng tốt yêu cầu dạy môn tin học): Với Tiêu học đáp ứng mỗi học sinh học trên 1 máy tính; THCS đáp ứng mỗi học sinh học trên 1 máy tính.

Đóng Đa, ngày tháng năm 2023
HIỆU TRƯỞNG

